

Bản án số: 67/2026/HS-PT
Ngày 14-9-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Trung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Diệu;

Ông Trần Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 102/2026/TLPT-HS ngày 28 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo **Đoàn Văn Đ**, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 72/2026/HS-ST ngày 18/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Quảng Trị.

- Bị cáo có kháng cáo: **Đoàn Văn Đ**, sinh năm 1999, tại tỉnh Quảng Trị; số CCCD: 045099005883; nơi cư trú: **thôn Y, xã L, tỉnh Quảng Trị**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đoàn Vĩ Đ1**, sinh năm 1971 và bà **Hồ Thị Mỹ N**, sinh năm 1975; có vợ là **Trần Thị N1**, sinh năm 1998 và có 01 con, sinh năm 2024. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/01/2026 đến ngày 05/02/2026 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà **Trần Thị Hoàng M** - Luật sư **Văn phòng L** - Thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh Q**; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo **Trần Văn B** và **Ngô Văn B1** không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Ngô Văn B1 và **Trần Văn B** là lái xe cho **công ty TNHH F**, địa chỉ: **2 đường H, phường A, thành phố Đà Nẵng** vận chuyển hàng hóa từ Lào về Việt Nam qua Cửa khẩu quốc tế Lao Bảo nên quen biết **Đoàn Văn Đ** làm nghề mở tờ khai hải quan tại **Cửa khẩu L1**. **Ngô Văn B1** nảy sinh ý định mua pháo hoa nổ để sử dụng

dịp Tết Nguyên Đán năm 2026. Ngày 06/01/2026, **Ngô Văn B1** liên hệ với **Đ** qua ứng dụng zalo để hỏi mua 30 hộp pháo hoa nổ loại 49 ống do nước ngoài sản xuất. **Đoàn Văn Đ** hẹn tìm nguồn hàng rồi báo lại với **Ngô Văn B1**. Sau đó **Đ** đến khu vực **thôn N, xã L** hỏi tìm mua pháo hoa nổ để bán lại cho **B1** để hưởng lợi. Tại đây, **Đ** gặp và mua của một người đàn ông không quen biết 30 hộp pháo hoa nổ loại 49 ống do nước ngoài sản xuất với giá 420.000đ/hộp.

Ngày 11/01/2026, **Đ** gọi điện thoại thông báo cho **Ngô Văn B1** biết đã mua được 30 hộp pháo loại 49 ống và bán lại cho **B1** 450.000đ/hộp (Đương hưởng lợi 30.000đ/hộp) và **B1** đồng ý mua. **Ngô Văn B1** liên hệ thuê **Trần Văn B** cũng là lái xe cho **công ty TNHH F** vận chuyển pháo hoa nổ mua từ **Đoàn Văn Đ** về thành phố Đà Nẵng cho **Ngô Văn B1** với giá 300.000đ/hộp thì **Trần Văn B** đồng ý. Sau đó, **Ngô Văn B1** liên hệ với **Đoàn Văn Đ** cho biết sẽ có **Trần Văn B** lái xe cho **công ty TNHH F** liên lạc với **Đ** để nhận pháo hoa nổ.

Ngày 12/01/2026, **Trần Văn B** gọi cho **Đoàn Văn Đ** thông qua ứng dụng zalo cho biết ngày 13/01/2026 sẽ nhập cảnh từ Lào về Việt Nam qua **Cửa khẩu L1** và nói Đương chuẩn bị 30 hộp pháo mà **Ngô Văn B1** đã mua của **Đ** để vận chuyển về Đà Nẵng cho **Ngô Văn B1**.

Đến khoảng 11 giờ ngày 13/01/2026, **Trần Văn B** gọi điện thông báo cho **Đ** biết đã về đến **cửa khẩu L1**, **Đ** gọi điện thoại cho người đàn ông tên “Cộng” - người bán pháo cho Đương thì người này nói khoảng 14 giờ cùng ngày đến ngã 3 **đường Q rẽ vào khu công nghiệp N, xã L** sẽ có người giao pháo; Đương cung cấp biển số xe ô tô 43H-03173 do **Trần Văn B** điều khiển cho người này và nói khi nào nhìn thấy biển số xe ô tô trên thì ra hiệu cho xe dừng lại và bốc pháo lên xe. Đến khoảng 13 giờ 40 phút cùng ngày, **Đ** liên lạc với **Trần Văn B** và gặp nhau trước **cửa hàng X** gần **cửa khẩu L1**. Đương điện thoại cho **Trần Văn B** điều khiển xe ô tô 43H-03173 chạy theo xe mô tô do **Đ** điều khiển dẫn đường, khi đến gần ngã 3 **Quốc lộ I vào khu công nghiệp N** thì **Đ** nói **Trần Văn B** đi theo **Quốc lộ I** khoảng 100 mét thì sẽ có người đứng đợi giao pháo, còn **Đ** quay xe lại **cửa khẩu L1**. **Trần Văn B** lái xe đi tiếp theo hướng dẫn của Đương thì gặp 02 người đàn ông đứng bên đường thì dừng lại, 02 người này bốc 02 thùng giấy đựng pháo lên cabin xe ô tô của **B** rồi điều khiển xe đi và gọi điện thoại thông báo cho **Đ** biết đã nhận được pháo hoa nổ, **Đ** gọi điện thoại cho **Ngô Văn B1** thông báo **Trần Văn B** đã nhận được pháo hoa nổ và yêu cầu **Ngô Văn B1** thanh toán vào tài khoản của Đương thì **Ngô Văn B1** nói để xác nhận lại xem **Trần Văn B** nhận pháo chưa rồi thanh toán tiền cho **Đ**.

Khi **Trần Văn B** điều khiển xe ô tô đến Km + 100 **Quốc lộ I thuộc thôn L, xã L** thì bị lực lượng liên ngành yêu cầu dừng phương tiện để kiểm tra và phát hiện phía sau ghế lái và ghế phụ có 02 thùng giấy được quấn nhiều lớp băng keo trong suốt, trong mỗi thùng có 01 mảnh bao gai màu xanh ở phía trên, phía dưới có 15 hộp giấy, bên ngoài mỗi hộp có hoa văn nhiều màu sắc ký hiệu KS4-4911X BILLIONX, bên trong mỗi hộp có 49 ống hình trụ tròn được liên kết với nhau. Tổ

công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với **Trần Văn B** và tạm giữ, niêm phong 30 hộp giấy có đặc điểm nêu trên cùng phương tiện và đồ vật, liên quan.

Ngày 14/01/2026, **Đoàn Văn Đ** đến cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Q** đầu thú và khai nhận về hành vi buôn bán pháo hoa nổ của mình.

Ngày 17/01/2026, **Ngô Văn B1** đến cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Q** đầu thú và khai nhận về hành vi vận chuyển pháo hoa nổ của mình.

Kết luận giám định số 120/2026/KL-KTHS ngày 20/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận:

“Mẫu ký hiệu A1 là pháo nổ (loại pháo hoa nổ), khối lượng 26,9 kilôgam;

“Mẫu ký hiệu A2 là pháo nổ (loại pháo hoa nổ), khối lượng 28,2 kilôgam”.

Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2026/HS-ST ngày 18/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Quảng Trị quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Đoàn Văn Đ** phạm tội “*Buôn bán hàng cấm*”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Đoàn Văn Đ** 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/01/2026 đến ngày 05/02/2026.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo **Ngô Văn B1**, **Đoàn Văn B2**, tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/7/2026, bị cáo **Đoàn Văn Đ** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo đã có thành tích lập công chuộc tội, được cơ quan Công an xác nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 BLHS. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm g khoản 2 Điều 190, điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 BLHS; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù.

- Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo: Thống nhất tội danh bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 BLHS. Đề nghị cấp phúc thẩm áp dụng điểm g khoản 2 Điều 190; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Đoàn Văn Đ** 03 năm tù và cho bị cáo hưởng án treo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được vi phạm pháp luật. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ; bố, mẹ và vợ không có việc làm ổn định nên đề nghị giảm hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Đoàn Văn Đ phù hợp với quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự về chủ thể và thời hạn kháng cáo nên HĐXX phúc thẩm xét kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Do cần pháo hoa nổ để sử dụng trong dịp tết nguyên đán nên Ngô Văn B1 liên hệ với Đoàn Văn Đ mua pháo hoa nổ về bán lại cho B1; ngày 13/01/2026 Đoàn Văn Đ đã liên hệ mua của một người không quen biết mua lại 30 hộp pháo hoa nổ loại 49 ống với giá 420.000đ/hộp bán lại cho Ngô Văn B1 với giá 450.000đ/hộp nhằm mục đích hưởng lợi 30.000đ/hộp; Ngô Văn B1 thuê Trần Văn B vận chuyển số pháo hoa trên từ L về Đà Nẵng cho B với tiền công 300.000 đồng/hộp. Trên đường vận chuyển thì Trần Văn B bị bắt giữ người cùng tang vật.

Theo Kết luận giám định số 120/2026/KL-KTHS ngày 20/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận là pháo nổ (loại pháo hoa nổ), tổng cộng: 55,1 kg.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đoàn Văn Đ về tội “*Buôn bán hàng cấm*” theo điểm g khoản 2 Điều 190 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo Đoàn Văn Đ, HĐXX thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo và áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để quyết định tội danh và hình phạt đối với bị cáo Đoàn Văn Đ là đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo giao nộp cho Tòa án văn bản số 1210/CV-CAP ngày 24/7/2026 của Công an phường K, thành phố H xác nhận công dân có thành tích trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trên địa bàn phường K. Theo đó, bị cáo Đoàn Văn Đ đã có hành động giúp cơ quan Công an phát hiện, ngăn chặn tội phạm về ma túy. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới nên cần áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội đã lập công chuộc tội” quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đoàn Văn Đ được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 02 tình tiết quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Trong vụ án này, hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, buôn bán hàng cấm với khối lượng lớn. Đặc biệt, hành vi của bị cáo thực hiện vào thời điểm giáp Tết Nguyên Đ2 - khi chính quyền địa phương các cấp cùng toàn thể nhân dân đang tăng cường phòng, chống buôn bán hàng cấm, pháo nổ, đặc biệt là trên địa bàn biên giới của tỉnh Quảng Trị. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin hưởng án treo, chỉ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cần cách ly

bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục và phòng ngừa chung, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm tại địa phương.

[4]. Tiếp tục ban hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo **Đoàn Văn Đ** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo **Đoàn Văn Đ**, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 72/2026/HS-ST ngày 18/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Quảng Trị về phần hình phạt.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 190; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Đoàn Văn Đ** 03 (Ba) năm tù về tội “*Buôn bán hàng cấm*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/01/2026 đến ngày 05/02/2026.

2. Án phí: Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo **Đoàn Văn Đ** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Công an tỉnh QT (Phòng HSNV);
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Việt Trung

